

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 10 - 14/02/2025

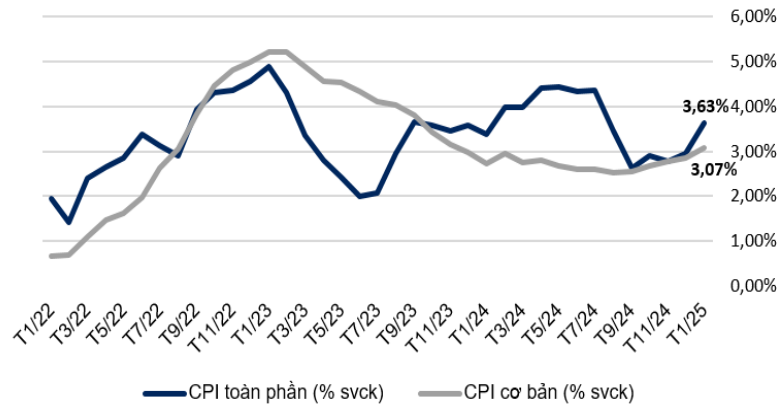


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

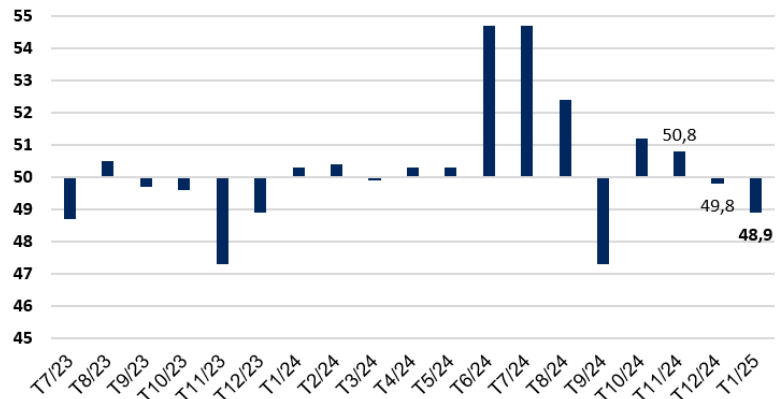


Việt Nam: Một số số liệu vĩ mô vẫn duy trì tích cực trong tháng 1.2025

Số liệu lạm phát của Việt Nam



PMI lĩnh vực sản xuất của VN



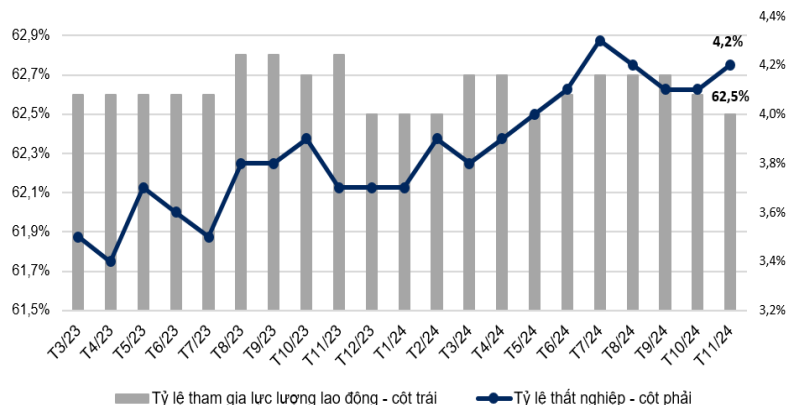
www.vndirect.com.vn

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T1/25 của Việt Nam tăng 0,98% mom và tăng 3,63% yoy, mức tăng mạnh này là do giá hàng hóa tăng trong dịp Tết.
- Trong T1/25, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,5% yoy, Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tăng 9,6% yoy.
- Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tiếp tục suy giảm trong T1/25, khi PMI lĩnh vực sản xuất giảm xuống 48,9 điểm từ mức 49,8 điểm của T12/24.
- Trong T1/25, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 573,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,7% mom tăng 9,5% yoy. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 35,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% yoy. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 4,33 tỷ USD, tăng 48,6% yoy. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ước đạt 1,51 tỷ USD, tăng 2,0% svck.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T1/25 của Việt Nam tăng 0,98% mom và tăng 3,63% yoy, tăng mạnh so với mức tăng 2,94% yoy của T12/24. Trong khi CPI cơ bản (không gồm giá thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng có giá do nhà nước quản lý) tăng 0,24% mom và tăng 3,05% yoy, nhích tăng so với mức tăng 2,85% yoy của T12/24. Trong T1/25 có 9/11 nhóm hàng hóa tăng giá, trong đó nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng mạnh nhất với mức tăng 9,47% mom do một số địa phương áp dụng giá dịch vụ y tế mới, nhóm giao thông và nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống cũng tăng lần lượt 0,95% mom và 0,74% mom do nhu cầu tăng cao vào dịp tết Nguyên đán.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) T1/25 ngành sản xuất VN của S&P Global giảm xuống mức 48,9 điểm từ mức 49,8 điểm trong T12/24. Mức điểm giảm và duy trì dưới mốc 50 điểm cho thấy các điều kiện kinh doanh nói chung của ngành sản xuất của VN có sự suy giảm trong T1/25. Cụ thể theo số liệu khảo sát của S&P Global cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm trở lại. Các công ty đã ứng phó với khối lượng công việc giảm bằng cách cắt giảm việc làm và giảm lượng tồn kho cả hàng mua và hàng thành phẩm

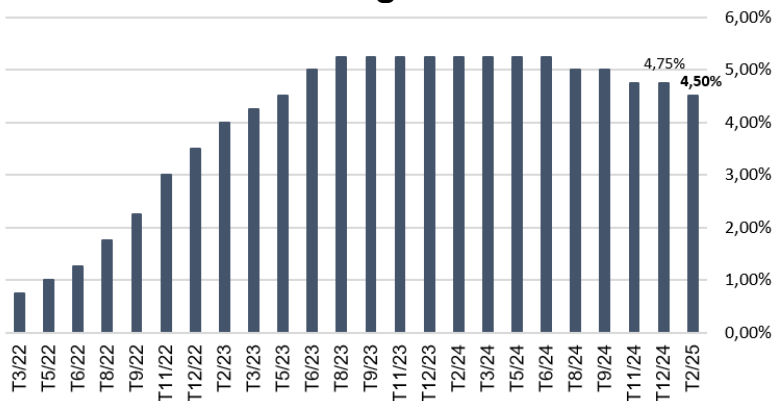
Nguồn: TCTK, S&P Global, VNDIRECT RESEARCH

Thế Giới: Tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ tiếp tục giảm, BOE giảm 0,25% lãi suất trong cuộc họp T2/25

Số liệu thất nghiệp và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của Mỹ



Lãi suất cơ sở của Ngân hàng Trung Ương Anh



www.vndirect.com.vn

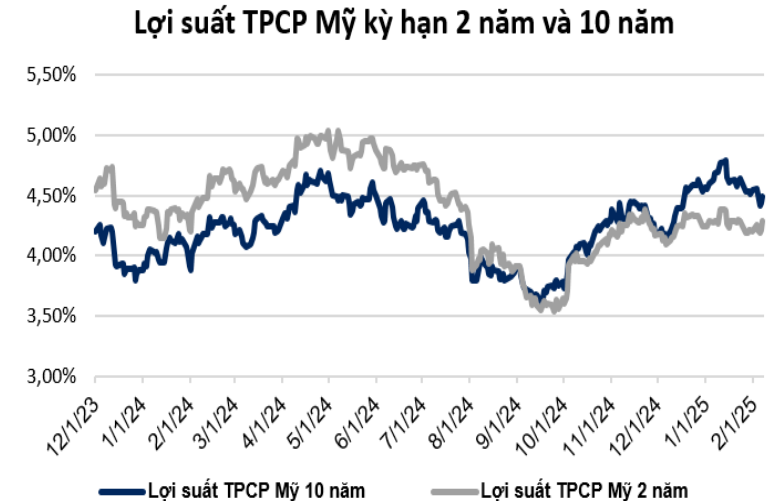
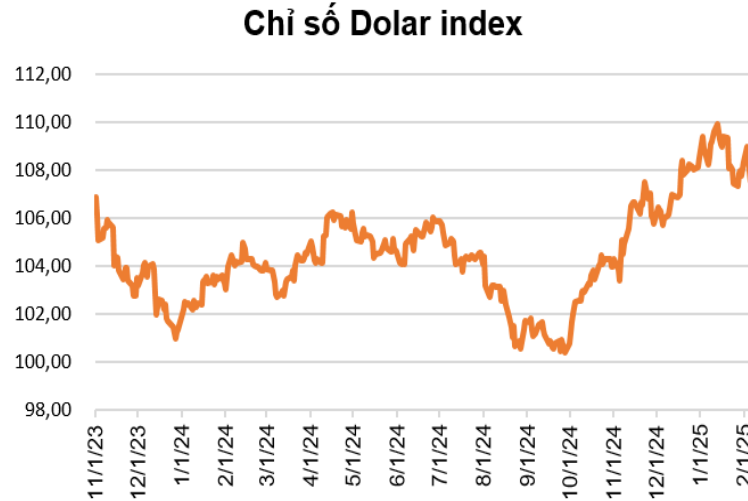
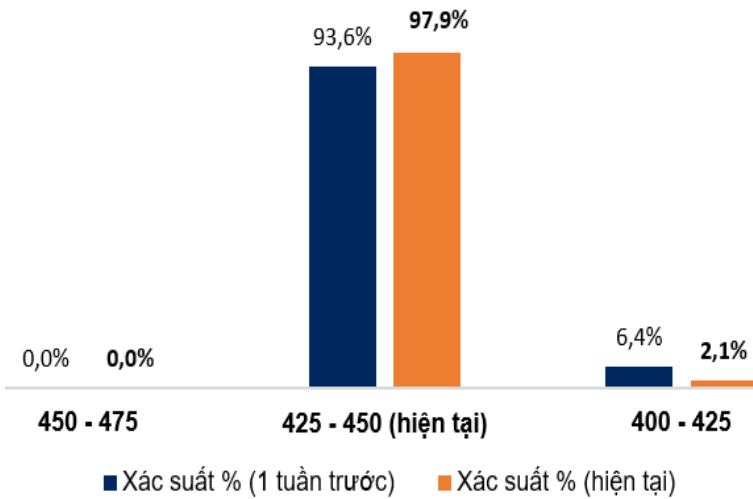
- Trong T1/25 nền kinh tế Mỹ tạo ra 143 nghìn việc làm mới, thấp hơn dự báo, tuy nhiên tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức 4% từ mức 4,1%.
- NHTW Anh (BOE) đã quyết định cắt giảm 0,25% lãi suất cơ sở (LSCS) trong cuộc họp T2/25. Trước đó BOE đã có 2 lần cắt giảm lãi suất trong năm 2024.
- Theo báo cáo của bộ Lao Động Mỹ, trong T1/25 nước này có 143 nghìn việc làm mới trong lĩnh vực phi nông nghiệp, mức này thấp hơn so với mức dự báo của các chuyên gia là sẽ có 169 nghìn việc làm mới. Tuy nhiên tỷ lệ thất nghiệp trong T1/25 của Mỹ giảm xuống mức 4% từ mức 4,1% và cũng thấp hơn dự báo 4,1% của các chuyên gia. Trong khi tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tăng lên mức 62,6% từ mức 62,5%. Tiền lương trung bình của người lao động Mỹ trong T1/25 tăng 0,5% mom và 4,1% yoy, cao hơn mức dự báo tăng 3,8% yoy của các chuyên gia. Tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục giảm và thấp hơn dự báo là tín hiệu cho thấy kinh tế Mỹ vẫn mạnh, dữ liệu này có thể cho Fed thêm lý do để tiếp tục trì hoãn giảm lãi suất.
- NHTW Anh (BOE) đã quyết định cắt giảm 0,25% lãi suất cơ sở (LSCS) trong cuộc họp T2/25. Theo đó LSCS của BOE giảm xuống mức 4,5% từ mức 4,75%. BOE cho biết đã đạt được những tiến bộ trong việc kiểm soát lạm phát sau khi cắt giảm 2 lần lãi suất trong năm 2024. Theo BOE lạm phát tại Anh có thể tăng lên mức 3,7% yoy trong nửa đầu năm 2025, tuy nhiên tình trạng này là tạm thời do giá năng lượng tăng cao. BOE nhận định lạm phát sẽ giảm trở lại sau đó về ngưỡng mục tiêu 2,0% trong dài hạn. BOE sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ những rủi ro có thể khiến lạm phát tăng trở lại và BOE sẽ dựa vào những dữ liệu lạm phát và dữ liệu kinh tế tại mỗi cuộc họp để đưa ra quyết định phù hợp.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp T3/2025

97,9% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành và 2,1% dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 3.2025.

DXY đóng cửa ở mức 108,1 điểm, giảm 0,25% wow và giảm 0,36% so với đầu năm 2025 (ytd).

Lãi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 4,29% tăng 9 bps wow và tăng 5 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,5% giảm 4,3 bps wow và giảm 7,4 bps ytd



Với số liệu cho thấy thị trường việc làm trong T1/25 của Mỹ vẫn mạnh, thị trường dự báo Fed sẽ tiếp tục giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 3 tới của NHTW này (cuộc họp tháng 3/2025 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 19/03/25 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 11/02/2025	Mỹ	Chủ tịch Fed trả lời điều trần trước Quốc Hội Mỹ
Thứ Tư 12/02/2025	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1.2025
Thứ Năm 13/02/2025	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 1.2025
Thứ Sáu 14/02/2025	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 1.2025

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế	- Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. - Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024	- Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. - Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. - Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. - Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

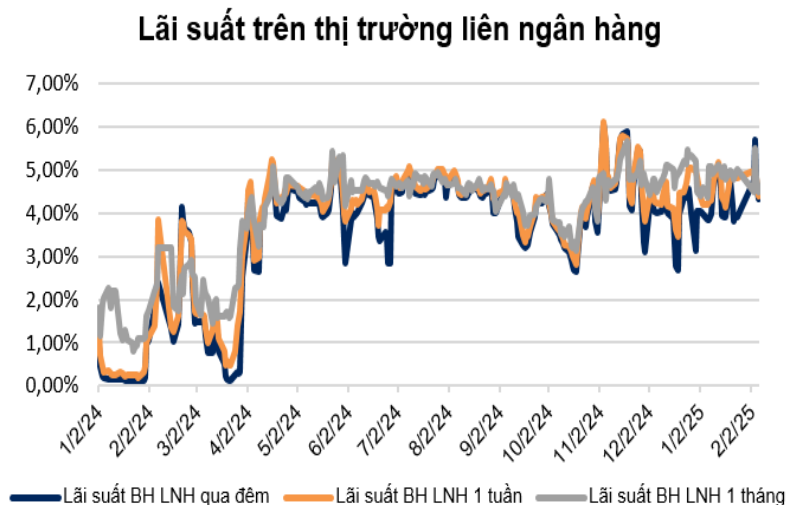
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

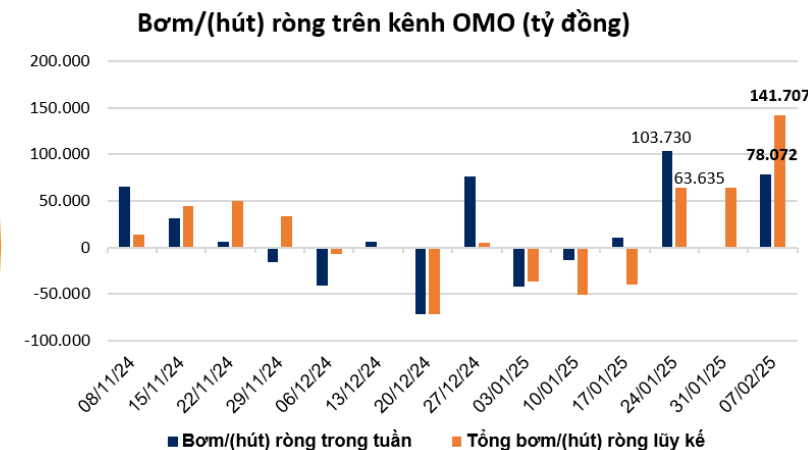


3.1 Thị trường tiền tệ VN: NHNN tiếp tục bơm ròng hỗ trợ thanh khoản qua kênh OMO

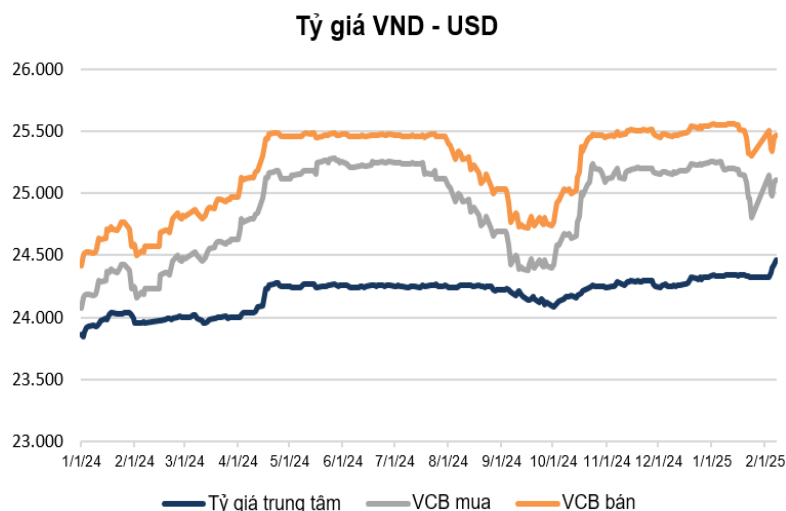
Lãi suất LNH ổn định trở lại. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 4,33% (+ 41 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,4 % (- 42 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,48% (- 54 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 06/02/2025)



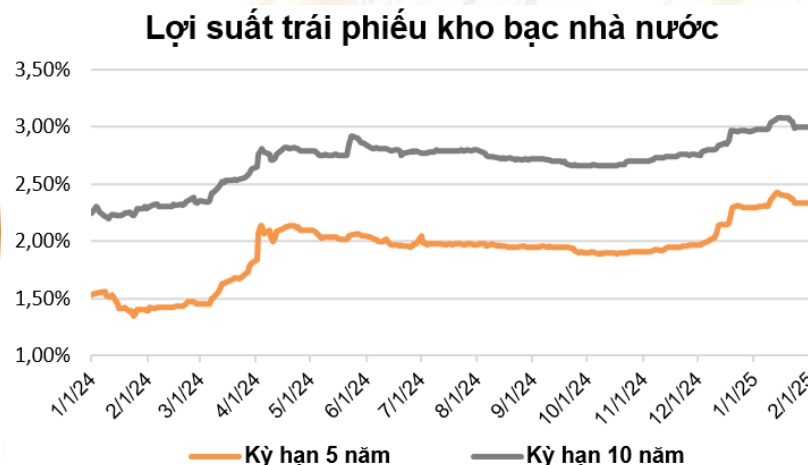
NHNN duy trì bơm ròng trên kênh OMO. Kết tuần NHNN bơm ròng 78.072 tỷ đồng. Hiện tổng giá trị bơm ròng lũy kế là 141.707 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND tăng trở lại. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.110 đ và 25.470 đ tăng 0,67% wow và giảm 0,32% tính từ đầu năm 2025 (theo giá bán) (ytd). Tỷ giá trung tâm hiện là 24.462 đ, tăng 0,56% wow và tăng 0,52% ytd

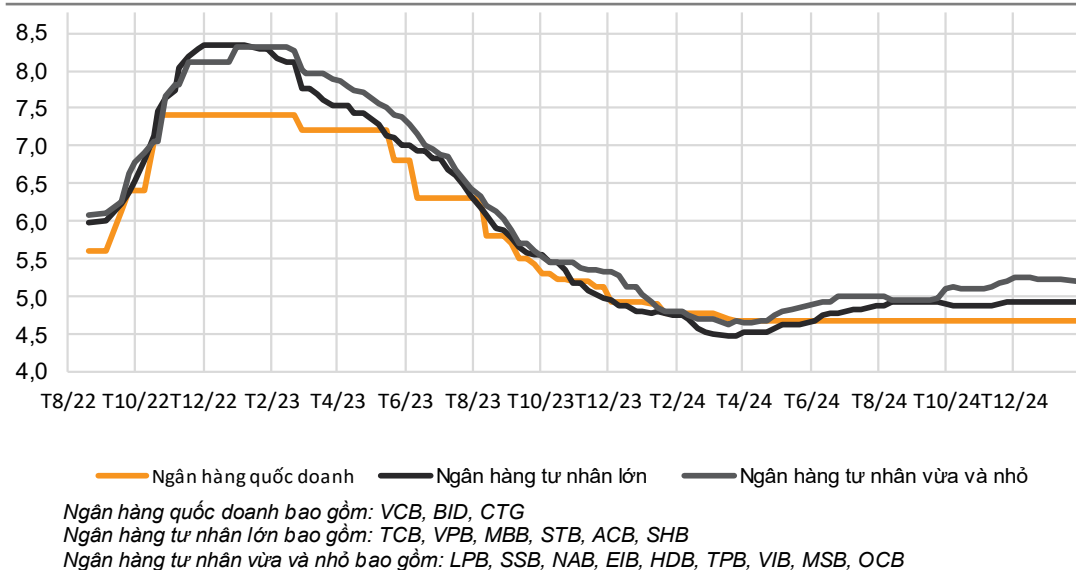


Lợi suất TP KBNN tăng trở lại, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 3,04%, tăng 4 bps wow và tăng 7 bps kể từ đầu năm 2025 (ytd), lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 2,35% tăng 2 bps wow và tăng 6 bps ytd.

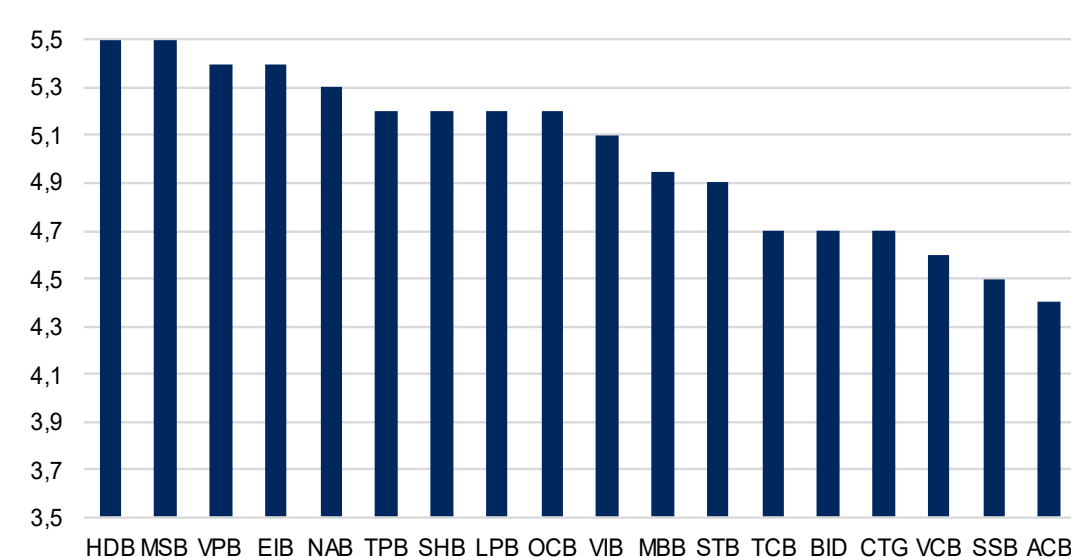


Lãi suất huy động của một số NH có sự biến động trái chiều

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

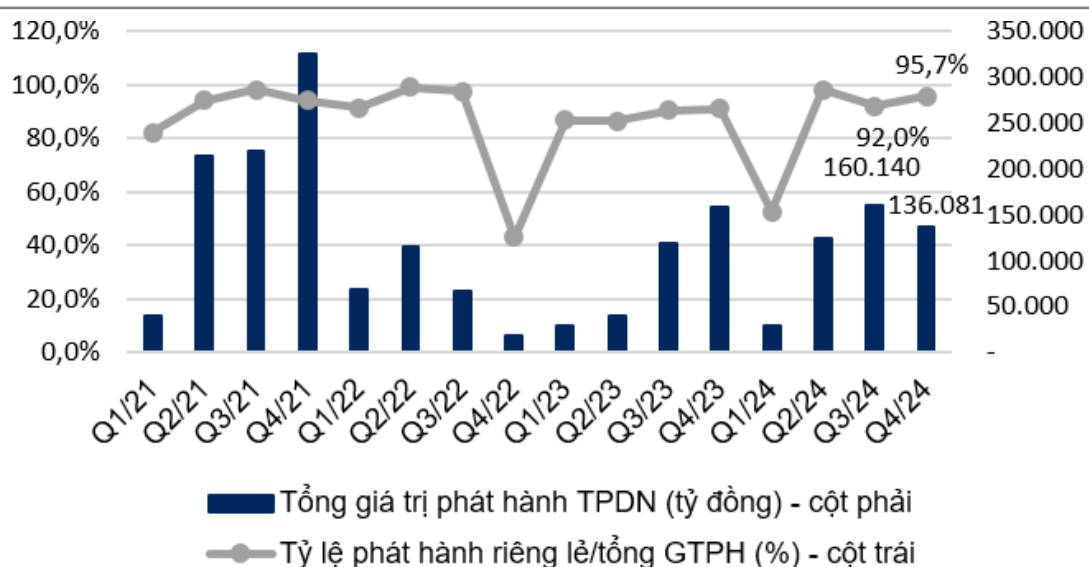


- Trong tuần từ 03/02-07/02/2025, bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH quốc doanh và các NH tư nhân lớn giữ nguyên ở mức 4,67%/năm và 4,93%/năm. Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH tư nhân vừa và nhỏ giảm nhẹ 0,01 điểm cơ bản xuống mức 5,21%/năm. Trong số đó, TPB giảm 0,1 điểm % xuống mức 5,2%/năm tại kỳ hạn này.
- Tại các kỳ hạn khác, lãi suất của các NH có sự biến động: BID tăng 0,1 điểm % tại các kỳ hạn 24 tháng và 36 tháng; TCB tăng 0,2 điểm % với kỳ hạn từ 1 tháng đến 9 tháng. Trong khi đó, TPB giảm 0,2 điểm % với các kỳ hạn 1 tháng và 3 tháng

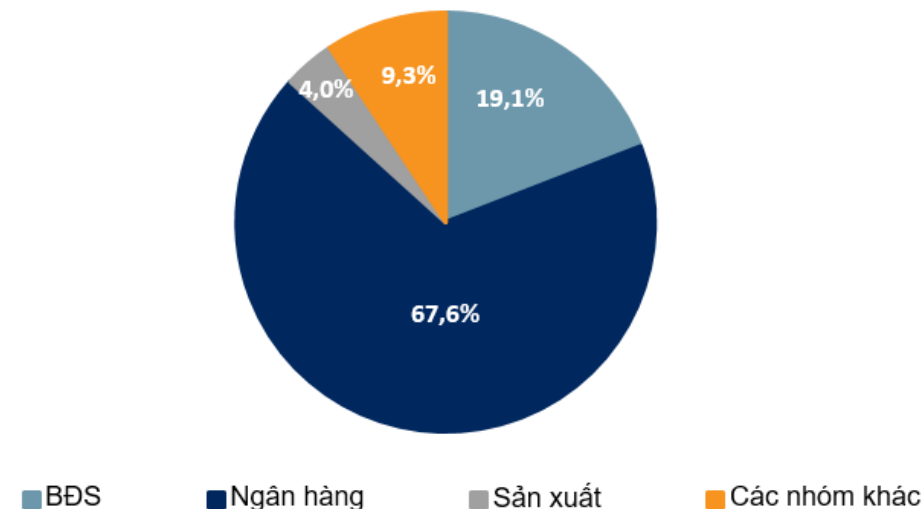
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành TPDN tiếp tục phục hồi trong năm 2024 nhờ sự gia tăng phát hành của nhóm Ngân hàng

Hoạt động phát hành TPDN bắt đầu phục hồi từ cuối Q1/23 – dữ liệu được cập nhật đến ngày 29/12/2024



Cơ cấu phát hành TPDN theo nhóm ngành năm 2024 - dữ liệu được cập nhật đến ngày 29/12/2024



- Theo số liệu được công bố đến ngày 29/12/24, trong năm 2024 có hơn 450 đợt phát hành TPDN thành công với tổng giá trị phát hành đạt hơn 448 nghìn tỷ đồng, tăng 29% svck. Trong đó, tổng giá trị TPDN phát hành riêng lẻ đạt hơn 413 nghìn tỷ đồng, tăng 32,3% svck. Tổng giá trị TPDN phát hành ra công chúng đạt 34,9 nghìn tỷ đồng, giảm 0,6% svck.
- Năm 2024, nhóm Ngân hàng ghi nhận tỷ trọng phát hành TPDN cao nhất, với tổng giá trị phát hành đạt 303 nghìn tỷ đồng, chiếm 67,6% tổng giá trị phát hành. Nhóm BĐS xếp thứ hai, với tổng giá trị phát hành đạt 85,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 19,1% tổng giá trị phát hành.

3.3 Thị trường Bất động sản

Thủ tướng yêu cầu nghiên cứu đánh thuế đầu cơ bất động sản

Thủ tướng Phạm Minh Chính yêu cầu Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất chính sách thuế nhằm hạn chế hoạt động đầu cơ bất động sản:

Thủ tướng yêu cầu các bộ ngành, địa phương, yêu cầu tập trung chấn chỉnh, xử lý việc thao túng giá, đầu cơ bất động sản và thanh tra, kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng bất động sản.

Nguyên nhân trong năm 2024, một số khu vực ghi nhận giá bất động sản tăng cao so với khả năng đáp ứng tài chính của người dân do một số hội, nhóm đầu cơ lợi dụng sự thiếu hiểu biết, tâm lý đầu tư theo đám đông của người dân để thao túng tâm lý, đẩy giá, tạo giá gây nhiễu loạn thông tin thị trường nhằm trục lợi.

Để tăng cường kiểm soát và xử lý kịp thời việc thao túng, đẩy giá và đầu cơ bất động sản, Thủ tướng yêu cầu Bộ trưởng Tài chính nghiên cứu, đề xuất chính sách thuế nhằm hạn chế hoạt động đầu cơ bất động sản, bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Các bộ thực hiện nghiên cứu phương án thu thuế phần chênh lệch giá giữa giá tính tiền sử dụng đất và giá bán sản phẩm bất động sản của các dự án, báo cáo Chính phủ trước ngày 30/4/2025.

3.4 Thị trường hàng hóa

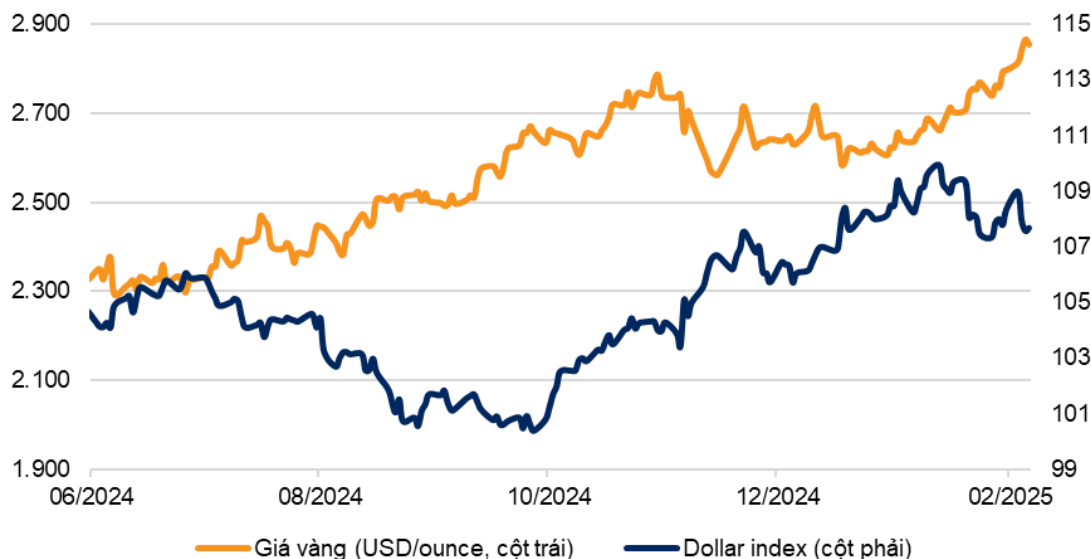
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 07/02/2025):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2025	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	-2,74%	-3,10%	-1,92%	-1,67%	
	Khí LNG	6,02%	4,40%	31,45%	1,79%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	-7,14%	-9,34%	-18,75%	-13,92%	
	Quặng sắt	5,05%	9,55%	-23,59%	5,27%	
	Đồng	7,24%	9,38%	20,45%	13,98%	
	Niken	3,44%	2,46%	-3,30%	4,63%	
	PVC	-0,43%	1,26%	-13,21%	-0,90%	
	Cao su	-4,16%	1,45%	56,01%	-1,18%	
	Gỗ	0,00%	5,81%	7,54%	9,53%	
Nông nghiệp	Urê	0,00%	5,16%	23,84%	4,88%	
	Lúa Mỹ	4,16%	7,42%	-2,26%	6,78%	
	Gạo tằm 5%	-7,77%	-16,27%	-34,39%	-18,44%	
	Đường	0,05%	-0,46%	-10,95%	-1,88%	
	Thịt lợn	3,26%	2,80%	39,68%	3,72%	
Kim loại quý	Vàng thời	2,24%	8,02%	41,07%	7,64%	

3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng duy trì đà tăng nhờ kỳ vọng các NHTW nới lỏng chính sách tiền tệ và lo ngại rủi ro địa chính trị

Tính đến ngày 07/02, giá vàng thế giới đạt 2.861 USD/oz, tăng 2,2% sv tuần trước và gần 8,0% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 86,8-90,3 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua-bán, lần lượt tăng 0,0%/1,7% sv tuần trước



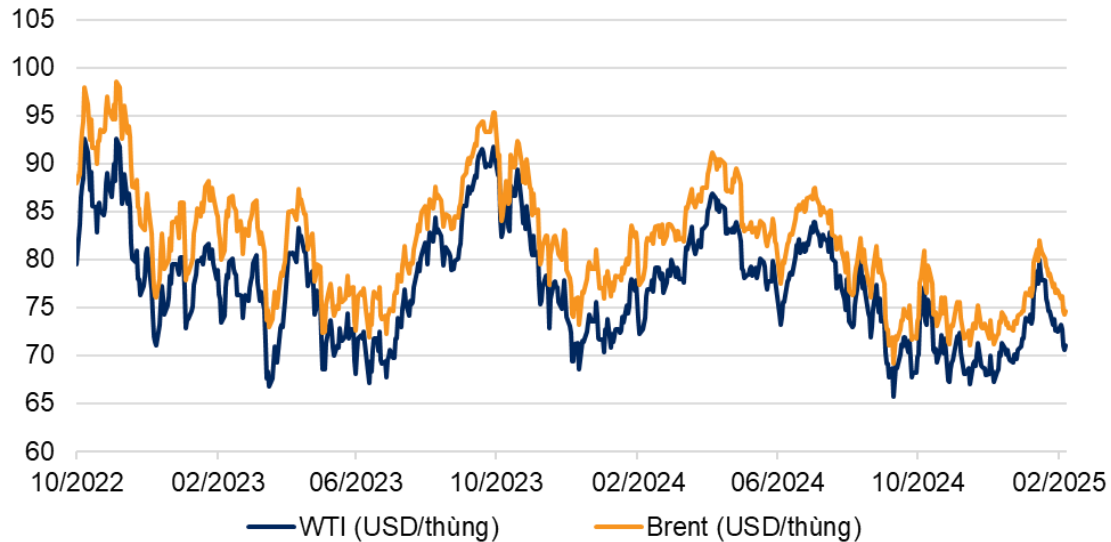
- Giá vàng thế giới duy trì đà tăng khi thị trường kỳ vọng các NHTW nới lỏng chính sách tiền tệ trong năm nay. Các nhà đầu tư vẫn kỳ vọng FED sẽ thực hiện hai lần cắt giảm lãi suất trong năm nay, dựa trên dự báo gần đây nhất của các thành viên FOMC. Trong tuần qua, Anh đã thực hiện một lần cắt giảm lãi suất, trong khi Ấn Độ đã thực hiện lần cắt giảm lãi suất đầu tiên trong vòng 5 năm qua. Ngoài ra, nhu cầu cho tài sản nhu cầu cũng gia tăng trước rủi ro bất ổn địa chính trị xảy ra do Trump tuyên bố sẽ áp thuế thêm nhiều quốc gia và đề xuất tiếp quản Dải Gaza.
- Trong nước, giá vàng miếng SJC đạt mức 86,8 triệu đồng/lượng chiều mua vào ngày 07/02, bằng với mức giá đóng cửa tuần trước, trong khi giá bán tăng 1,7% sv tuần trước lên 90,3 triệu đồng/lượng do nhu cầu mua vàng của người dân gia tăng vào ngày Vía Thần Tài. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 07/02 ở mức 3,1 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 25.290).

Nguồn: Bloomberg, FiinPro-X, Vndirect Research

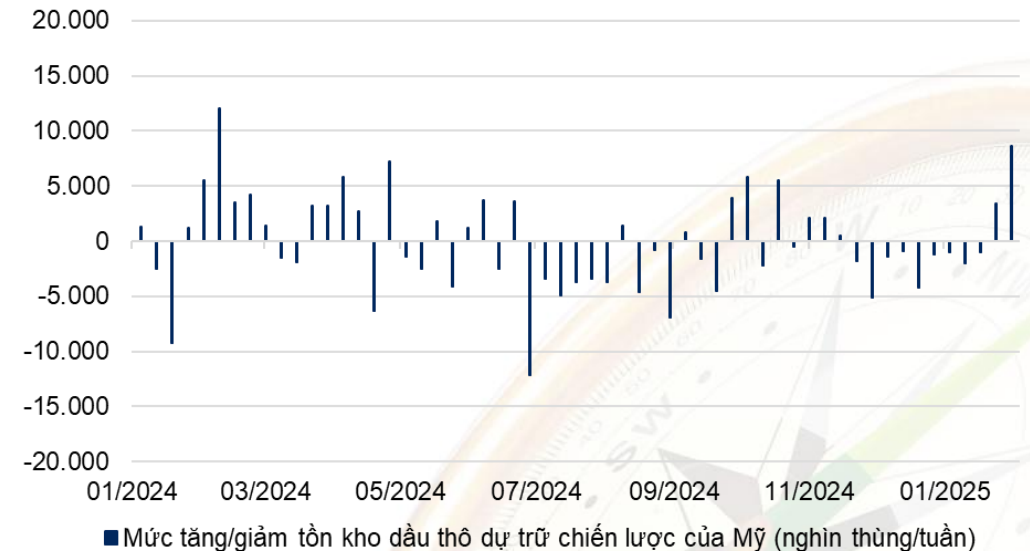
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô giảm khi các thông tin trên thị trường củng cố lo ngại rằng nhu cầu tiêu thụ dầu toàn cầu sẽ yếu đi

Tính đến ngày 07/02, giá dầu thô WTI và Brent đã lần lượt giảm 2,1%/2,7% sv tuần trước, đạt 71,0 và 74,7 USD/thùng



Tồn kho dầu thô tại Mỹ tăng rùng mạnh 8,7 triệu thùng vào tuần cuối tháng 1/2025, tuần thứ 2 tăng rùng liên tiếp



- Giá dầu thô đang chịu áp lực bởi căng thẳng thương mại leo thang của Tổng thống Mỹ Trump với Trung Quốc và mối đe dọa về việc Mỹ áp thuế bổ sung đối với các quốc gia khác, do chúng có rủi ro làm gián đoạn các hoạt động thương mại và giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu, qua đó làm giảm nhu cầu tiêu thụ dầu. Cuối tuần trước, Mỹ đã tuyên bố lệnh trừng phạt đối với mạng lưới tàu chở dầu từ Iran tới Trung Quốc, động thái này khiến giá dầu tăng nhẹ vào thứ Sáu, do đem lại rủi ro gián đoạn nguồn cung.
- Ngoài ra, sự gia tăng đáng kể lượng dầu thô tồn kho của Mỹ, theo dữ liệu của Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA), báo hiệu nhu cầu yếu hơn của nền kinh tế tiêu thụ dầu thô nhiều thứ hai thế giới. Tồn kho dầu thô tại Mỹ tăng rùng mạnh 8,7 triệu thùng vào tuần cuối tháng 1/2025, tuần thứ 2 tăng rùng liên tiếp, sau chuỗi giảm rùng trong các tuần nhu cầu nhiên liệu cao do thời tiết giá lạnh.

Nguồn: Bloomberg, EIA, Vndirect Research

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2025	1 năm
Dow Jones	Mỹ	-0,54%	3,91%	4,13%	14,56%
S&P 500	Mỹ	-0,24%	1,82%	2,45%	19,88%
Nasdaq	Mỹ	-0,53%	0,23%	1,10%	22,09%
Euro Stoxx 50	EU	0,75%	6,15%	8,79%	12,95%
FTSE 100	Anh	0,31%	4,58%	6,45%	14,90%
Nikkei 225	Nhật Bản	-1,90%	-1,98%	-2,70%	5,21%
Shanghai	Trung Quốc	1,63%	2,87%	-1,43%	15,27%
Hang Seng	Trung Quốc	4,49%	9,84%	5,35%	34,21%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-0,89%	1,02%	1,22%	28,85%
SET	Thái Lan	-2,47%	-5,93%	-8,44%	-7,66%
KOSPI	Hàn Quốc	0,18%	0,00%	5,10%	-3,76%
Malaysia Top 100	Malaysia	2,28%	-1,15%	-3,47%	8,58%
STI Index	Singapore	0,15%	-0,03%	1,95%	23,04%
IDX Composite	Indonesia	-5,16%	-4,56%	-4,76%	-6,81%
PHS All Shares	Philippine	4,07%	-2,49%	-2,26%	2,50%
VN-Index	Việt Nam	0,80%	2,36%	0,66%	6,40%

Thị trường chứng khoán Mỹ tăng điểm trong các phiên giao dịch đầu tuần, tuy nhiên thị trường đã có phiên cuối tuần giảm điểm khá mạnh khi tỷ lệ thất nghiệp T1/25 được công bố tốt hơn dự báo khiến các nhà đầu tư lo ngại Fed sẽ có thêm lý do để tiếp tục trì hoãn cắt giảm lãi suất. Kết tuần cả 3 chỉ số chính của thị trường Mỹ đều giảm điểm, trong đó Dow Jones và Nasdaq giảm hơn 0,5% trong khi S&P 500 giảm 0,24%.

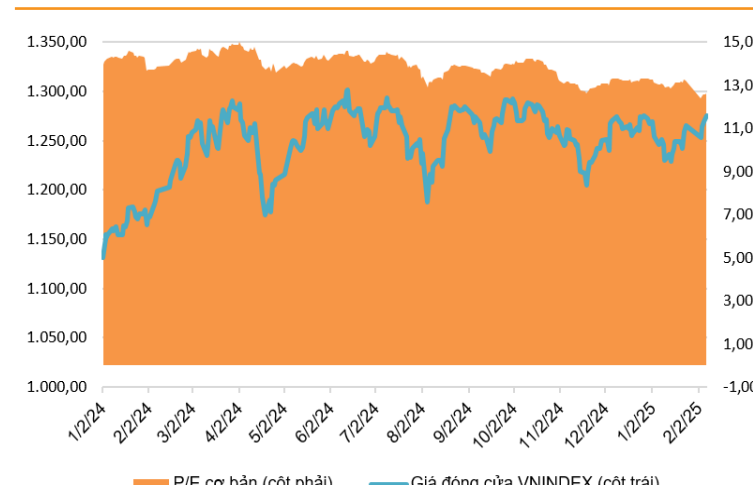
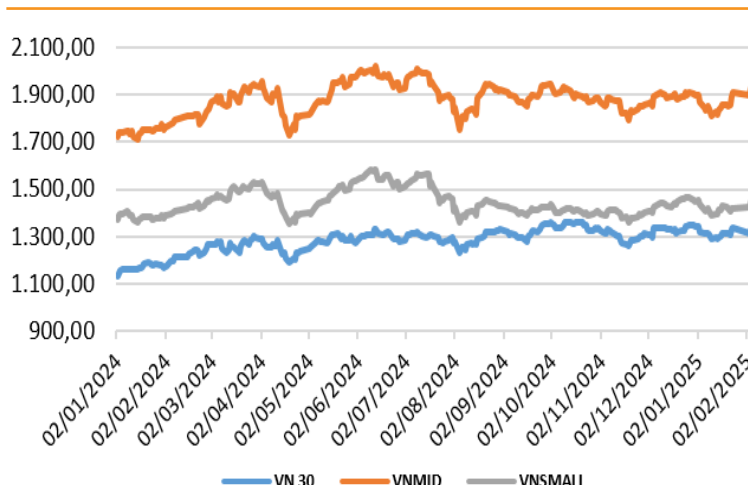
Trong khi nhiều thị trường chứng khoán khu vực Châu Á có biến động trái chiều do lo ngại về chính sách thương mại của Mỹ. Trong đó các thị trường giảm gồm Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia... Trong khi một số thị trường tăng như Trung Quốc, Philippine...

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường duy trì đà tăng với thanh khoản phục hồi

VN-Index duy trì đà tăng, kết tuần tại mức 1.275,2 điểm, tăng 0,8% sv tuần trước

Các chỉ số VN30/VNMID/ VNSML đều tăng với mức tăng lần lượt là 0,24%/0,97%/2,94%.

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 12,6x.



- Với 4 phiên tăng điểm và 1 phiên giảm điểm, VN-Index duy trì tuần tăng điểm thứ 3 liên tiếp. Kết tuần VN-index tăng 10,15 điểm (+0,8%) lên 1.275,2 điểm. Thanh khoản giao dịch phục hồi, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 497,5 triệu cp/phần, tăng 26,6% so với tuần trước và cao hơn 29,7% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại gia tăng bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 4.174 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán cũng chuyển sang bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 892 tỷ đồng.
- Các mã CTG và TCB là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 3,61 điểm và 1,7 điểm. Ở chiều ngược lại FPT và VHM là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 2,58 điểm và 0,74 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm 2024 (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	-1,7%	4,2%	-1,0%	30,1	3,09	6,6%
Bảo hiểm	0,0%	0,0%	0,0%	15,1	1,53	0,0%
Bất động sản	0,7%	0,6%	-0,5%	15,2	1,19	30,7%
Công nghệ TT	-4,4%	-2,3%	-3,9%	27,2	5,34	51,5%
Dầu khí	1,5%	5,0%	2,0%	25,6	1,31	-5,8%
Dịch vụ tài chính	1,2%	4,6%	-0,6%	17,2	1,37	32,7%
Hóa chất	1,8%	3,3%	-1,5%	19,5	1,85	30,7%
Ngân hàng	1,9%	3,9%	3,7%	9,7	1,51	19,0%
Tài nguyên cơ bản	7,8%	12,8%	10,6%	21,4	1,51	53,4%
Thực phẩm & Đồ uống	0,6%	-0,4%	-4,2%	20,06	2,88	17,8%
Viễn thông	-1,8%	-0,8%	-0,4%	38,0	7,02	-31,3%
Xây dựng & Vật liệu	2,4%	3,4%	2,9%	19,6	1,45	27,0%
VN-Index	0,80%	2,27%	0,66%	12,63	1,64	26,7%

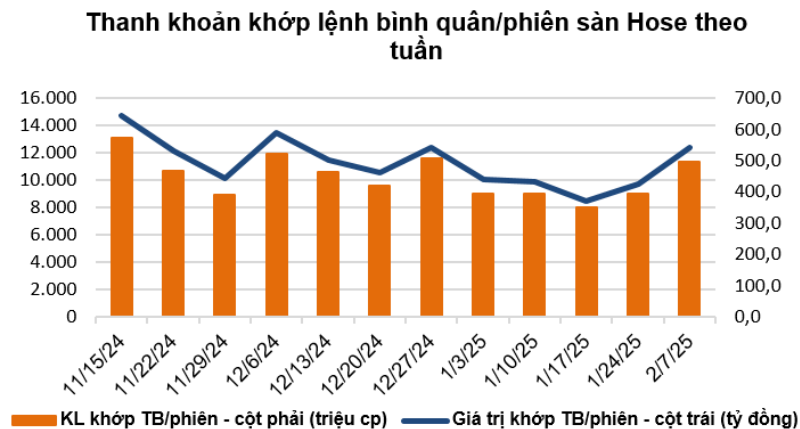
Trở lại sau kỳ nghỉ Tết thị trường giao dịch sôi động hơn với thanh khoản gia tăng ở nhiều nhóm ngành.

Nhóm cổ phiếu Ngân hàng tăng điểm tích cực, nhiều cổ phiếu bứt phá và thiết lập đỉnh giá ngắn hạn mới như CTG (+7,4%), TCB (+4%), BVH (+2,6%), SHB (+2,4%)... Nhóm cổ phiếu Xây dựng & Vật liệu cũng có diễn biến tích cực trước triển vọng các dự án đầu tư công sẽ được đẩy mạnh giải ngân trong năm 2025, nhiều mã tăng với thanh khoản giao dịch tăng mạnh như VPG (+20,4%), CTD (+11,7%), NKG (+5,2%), KSB (+4,2%)...

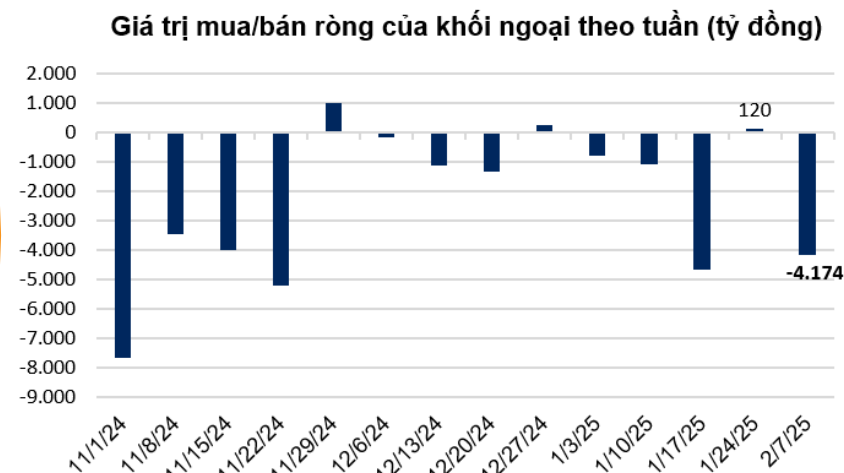
Ở chiều ngược lại, nhóm Công nghệ TT giảm khá mạnh do ảnh hưởng của “cơn bão DeepSeek” trong đó FPT (-4,8%), CMG (-4,6%), ICT (-4,5%)... Nhóm Bán lẻ cũng có diễn biến tiêu cực trong đó FRT (-8,5%), MWG (-2%)...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản phục hồi và khối ngoại gia tăng bán ròng

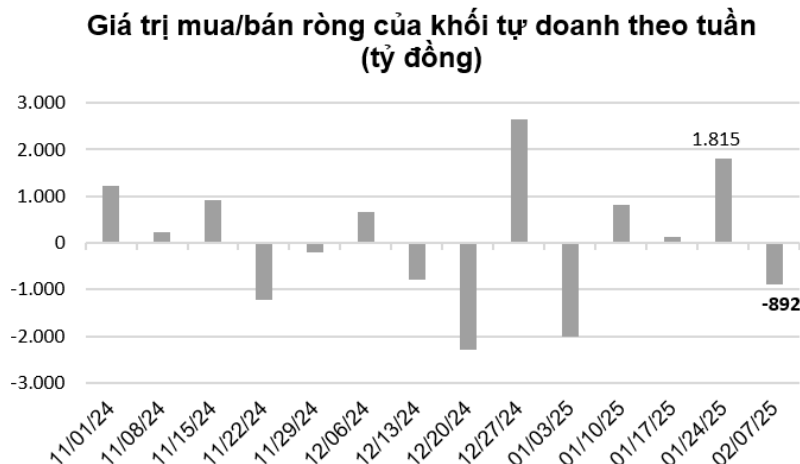
Thanh khoản phục hồi, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 497,5 triệu cp/phần, tăng 26,6% sv tuần trước và cao hơn 29,7% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



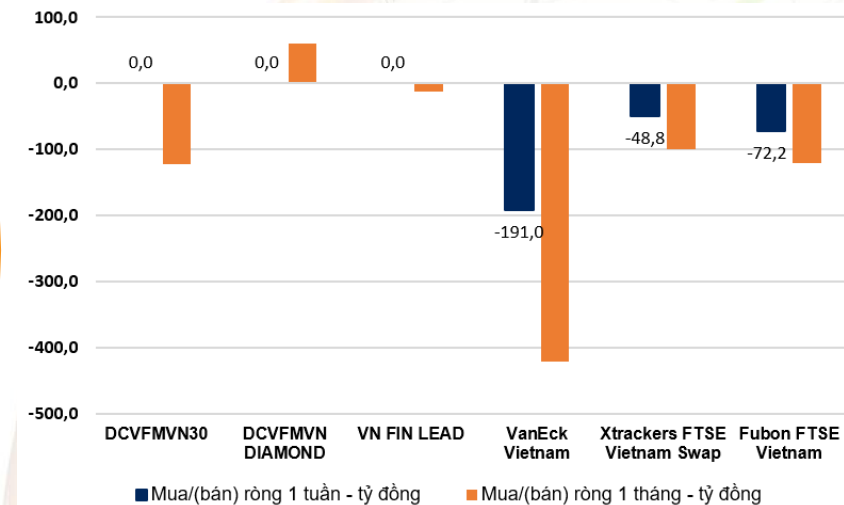
Khối ngoại gia tăng bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là 4.174 tỷ đồng.



Khối tự doanh chuyển sang bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua là 892 tỷ đồng

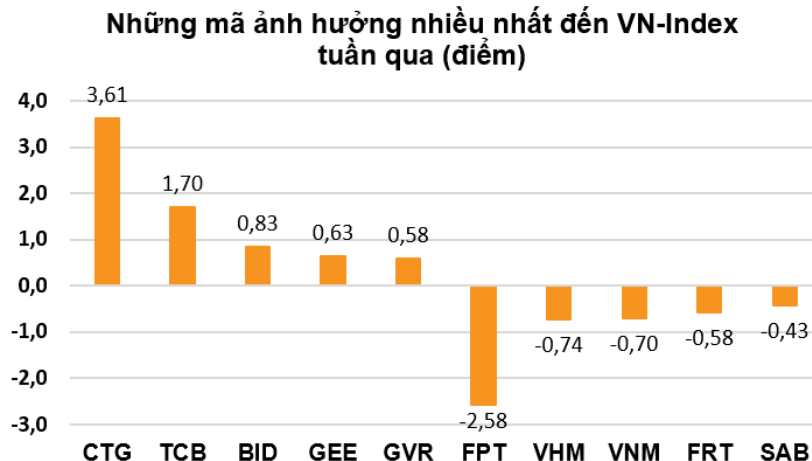


Một số quỹ ETF thực hiện giao dịch trong tuần qua. Trong đó quỹ VanEck Vietnam bán ròng nhiều nhất với giá trị bán ròng là 191 tỷ đồng.

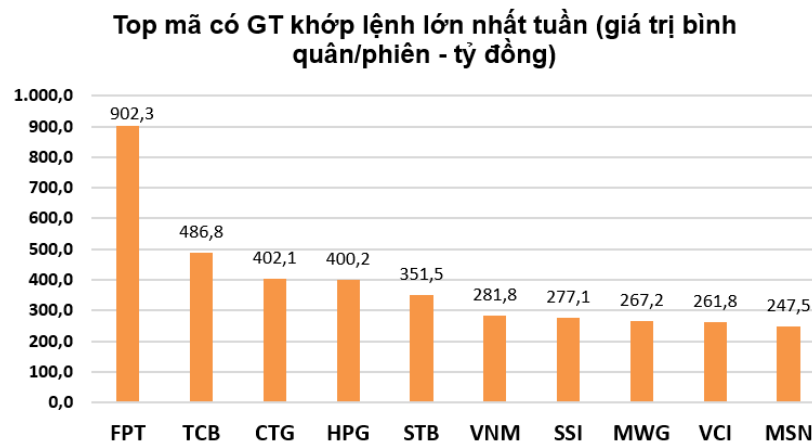


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản phục hồi và khối ngoại gia tăng bán ròng

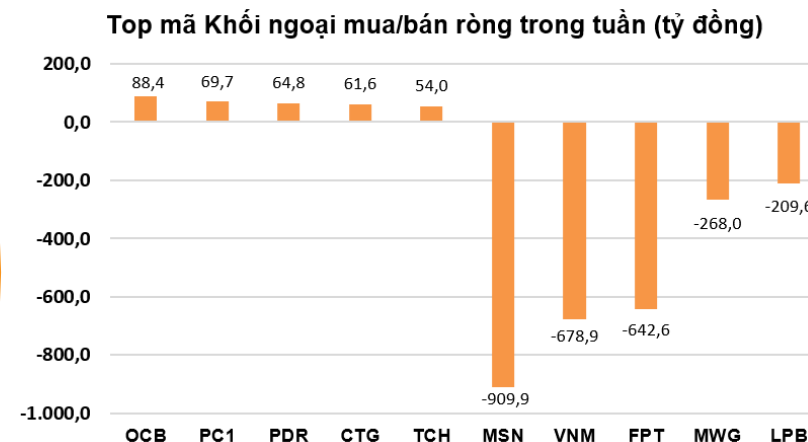
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex – điểm)



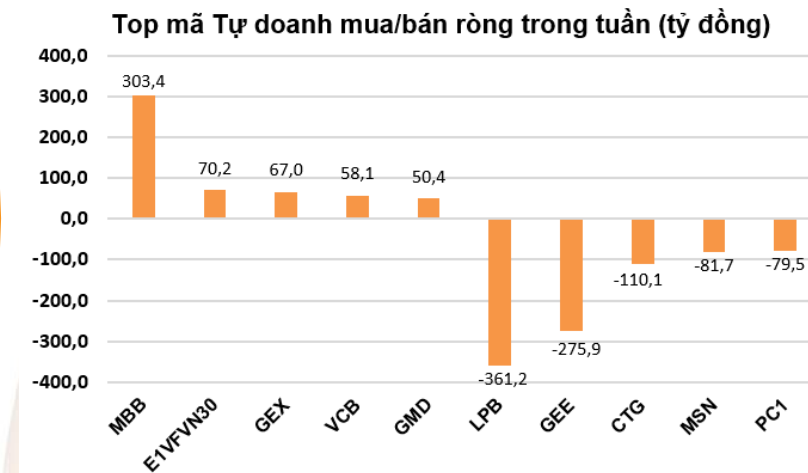
FPT là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp lệnh trung bình là hơn 902 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã TCB và CTG với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 486 tỷ đồng và hơn 402 tỷ đồng



Trong tuần từ 03/02-07/02/2025 OCB là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 88 tỷ đồng. Trong khi MSN là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 909 tỷ đồng.



Trong tuần từ 03/02-07/02/2025 MBB là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 303 tỷ đồng, trong khi LPB là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 361 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	VCB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,4%	6,2%	111.800	20,2%
2	MBB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	1,6%	13,8%	24.696	8,6%
3	HDB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	1,1%	8,3%	34.900	52,4%
4	BAF	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,9%	5,3%	32.000	14,7%
5	MWG	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-2,0%	-9,1%	72.100	22,4%
6	FPT	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-4,8%	0,7%	196.600	34,6%
7	ACV	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,8%	1,9%	133.500	8,3%
8	BCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	1,0%	-2,8%	82.800	18,3%
9	IDC	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,2%	2,8%	62.700	14,4%
10	HAH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	8,7%	9,1%	55.900	3,5%
11	GMD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-2,0%	4,3%	73.700	17,7%
12	KDH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,6%	1,2%	41.300	19,5%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
13	BMP	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,0%	-0,8%	150.000	22,0%
14	PVD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,2%	5,6%	30.900	30,7%
15	PLX	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,9%	0,3%	46.100	15,7%
16	POW	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	3,9%	2,6%	14.900	24,7%
17	PC1	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	4,1%	10,6%	30.700	28,2%
18	DCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	3,4%	3,1%	42.700	23,2%
19	HPG	08/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	0,4%	5,4%	41.000	53,8%
20	VIB	05/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-0,7%	13,2%	21.200	3,4%
21	KBC	05/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	0,3%	-1,4%	40.000	37,5%
22	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-2,3%	-7,3%	82.600	35,9%
23	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	2,1%	9,8%	65.100	26,2%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
24	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	1,4%	-11,5%	34.000	92,1%
25	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	-1,9%	-1,4%	66.400	71,4%
26	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,7%	0,7%	114.400	16,4%
27	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,3%	-0,3%	23.700	25,1%
28	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-1,1%	-9,3%	95.100	18,9%
29	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	2,8%	-13,1%	35.700	30,8%
30	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	0,2%	-6,5%	61.200	17,5%
31	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	-4,9%	-17,5%	45.800	32,2%
32	STB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	1,2%	7,5%	41.500	10,8%
33	TPB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	0,6%	0,0%	21.000	26,9%
34	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	2,4%	-1,9%	19.500	55,4%

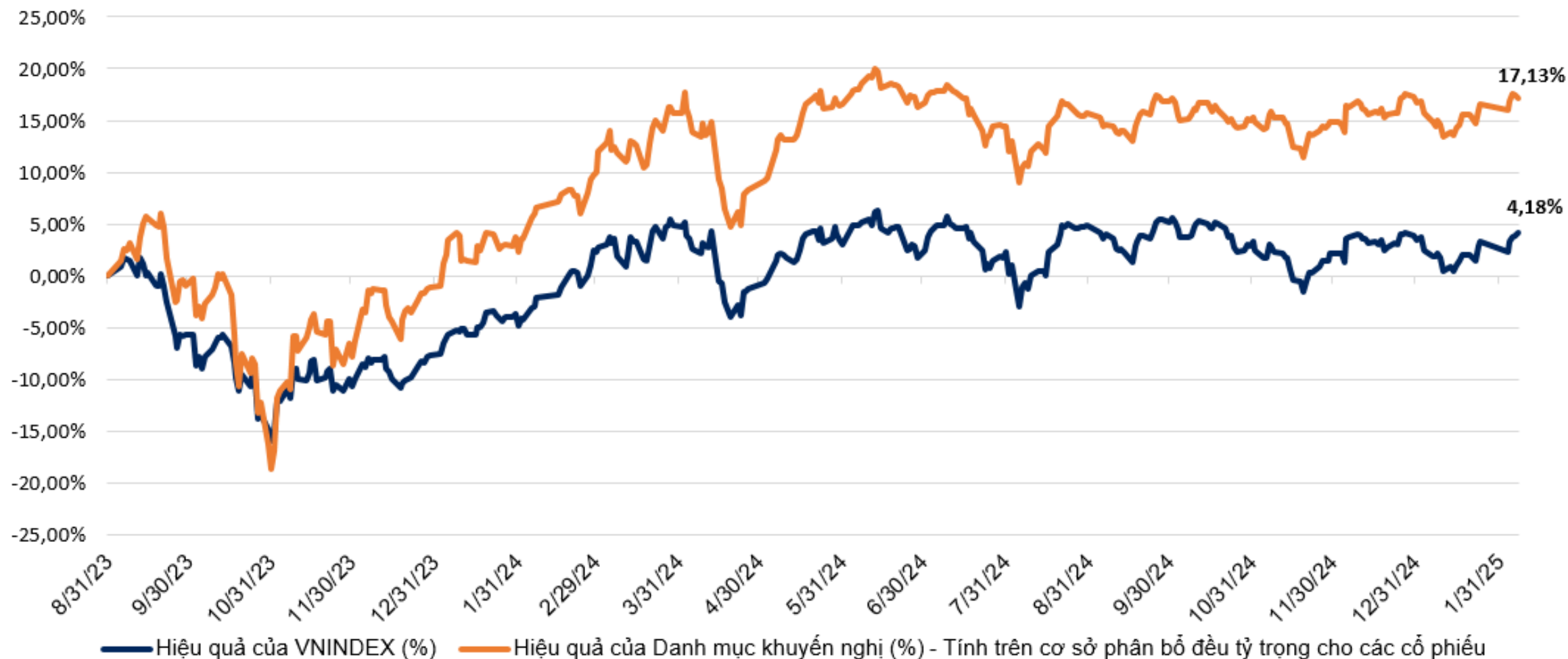
Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
2	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
3	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
4	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
5	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
6	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
7	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
8	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
9	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
10	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
11	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024
12	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
13	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
14	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Hoạt động thương mại phục hồi	48.000	14/11/2024
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	26.800	18/12/2024
17	CTD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		78.900	05/02/2025
18	CTG	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24		39.900	07/02/2025

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH
Email: research@vndirect.com.vn

